

MOTTA EP

Mỡ lithium EP đa dụng

NLGI 000 | NLGI 00 | NLGI 0 | NLGI 1 | NLGI 2 | NLGI 3

Mô tả sản phẩm

Mỡ MOTTA EP là họ sản phẩm hiệu năng cao — năm cấp công nghiệp đa dụng và hai cấp bán lỏng. Trên nền xà phòng lithium hydroxystearat, mỡ chống mài mòn, chống gỉ và ăn mòn tốt, và chống rửa trôi bởi nước rất tốt.

Chất làm đặc, dầu gốc và hệ phụ gia cho ổn định cơ học, chống mài mòn, chống ăn mòn và chịu nước phù hợp với thiết kế sản phẩm. Khi chọn phải xem xét tốc độ, tải trọng, nhiệt độ, chu kỳ tra mỡ và tương thích vật liệu.

Đặc tính & lợi ích

Đặc tính	Lợi ích cho khách hàng
Ổn định cơ học	Giữ độ đặc của mỡ khi chịu tác động cơ học.
Chống mài mòn	Bảo vệ vòng bi chịu tải và bề mặt tiếp xúc.
Chống ăn mòn	Giúp bảo vệ bề mặt kim loại được bôi trơn chống gỉ và ăn mòn.
Chịu nước	Giúp mỡ giữ hiệu quả khi tiếp xúc với nước hoặc hơi ẩm.

Ứng dụng

- Vòng bi lăn và bạc trượt yêu cầu cấp NLGI đã nêu.
- Khớp, chốt, bạc lót bôi trơn bằng mỡ và máy móc thông dụng.
- Hệ thống bôi trơn tập trung hoặc thủ công tương thích với độ đặc đã chọn.

Luôn tuân theo khuyến nghị của nhà sản xuất thiết bị về cấp độ nhớt, cấp hiệu năng và chu kỳ bảo dưỡng.

Tham chiếu hiệu năng

Tiêu chuẩn / tham chiếu	Tham chiếu hiệu năng
ISO 6743-9 / DIN 51502	Phân loại theo ISO 6743-9 và cách ký hiệu mỡ DIN 51502 cho cấp NLGI và hệ chất làm đặc đã nêu.

Tham chiếu hiệu năng thể hiện mục tiêu pha chế / cấp hiệu năng, không phải chấp thuận, chứng nhận hay giấy phép chính thức trừ khi được nêu rõ.

Đặc tính điển hình

Chỉ tiêu	Phương pháp thử	NLGI 000	NLGI 00	NLGI 0	NLGI 1	NLGI 2
NLGI Grade	-	NLGI 000	NLGI 00	NLGI 0	NLGI 1	NLGI 2
Loại chất làm đặc	-	Lithium	Lithium	Lithium	Lithium	Lithium
Màu / ngoại quan	Quan sát bằng mắt	Nâu	Nâu	Nâu	Nâu	Nâu
Độ xuyên kim sau nhào ở 25°C, 0.1mm	ASTM D217	456	415	368	322	265–295
Độ nhớt dầu gốc ở 40°C, cSt	ASTM D445	320	160	160	160	160

Chỉ tiêu	Phương pháp thử	NLGI 3
NLGI Grade	-	NLGI 3
Loại chất làm đặc	-	Lithium
Màu / ngoại quan	Quan sát bằng mắt	Nâu
Độ xuyên kim sau nhào ở 25°C, 0.1mm	ASTM D217	234
Độ nhớt dầu gốc ở 40°C, cSt	ASTM D445	160

Bao bì

Hạng mục bao bì	Thông tin sản phẩm
Quy cách bao bì	Xác nhận theo chứng từ đơn hàng tương ứng.
Dạng bao bì	Phuy công nghiệp và hàng rời; xác nhận khi đặt hàng.
Tình trạng cung cấp	Hình thức bao bì và thiết kế nhãn được xác nhận theo chứng từ đơn hàng tương ứng.

Sức khỏe, an toàn & lưu kho

Về hướng dẫn sức khỏe, an toàn và môi trường, tham khảo Phiếu an toàn hóa chất (SDS) tương ứng trước khi sử dụng, lưu kho, vận chuyển hoặc thải bỏ.

Bảo quản trong bao bì gốc đầy kín, nơi khô ráo, thoáng mát. Tránh ánh nắng trực tiếp, mưa, nhiệt độ cao và nhiễm bẩn. Áp dụng nhập trước xuất trước và giữ truy xuất mã lô trong toàn chuỗi phân phối.

Lưu ý về giá trị điển hình

Các giá trị nêu trên là đặc tính kỹ thuật điển hình, không phải thông số kỹ thuật sản phẩm. Có thể có sai lệch sản xuất thông thường. Các giá trị này không phải kết quả kiểm tra theo lô và không được dùng làm dữ liệu Giấy chứng nhận phân tích (COA).